

**BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM**

(Ngày 01 tháng 11 năm 2024)

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **TÓNG HOÀNG DANH** Ngày tháng năm sinh: 13/10/1982

- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường Ninh  
Thạnh.

- Cơ quan/đơn vị công tác: Hội đồng nhân dân phường Ninh Thạnh.

- Nơi thường trú: Số 27, khu phố Ninh Lợi, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây  
Ninh.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 072082000650

Ngày cấp: 15/4/2021 . Nơi cấp: Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: **Bùi Thị Anh Đào** Ngày tháng năm sinh: 01/8/1986.

- Nghề nghiệp: **Buôn bán.**

- Nơi làm việc:

- Nơi thường trú: Số 27, khu phố Ninh Lợi, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây  
Ninh.

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 072186000433

Ngày cấp: 02/10/2015 nơi cấp: Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

**II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN**

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất:

1.1. Đất ở:

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ: Số 27, khu phố Ninh Lợi, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh.

- Diện tích: 461,00m<sup>2</sup>.

- Giá trị: “Giá trị ước tính” là khoản 3 tỷ Việt Nam đồng. Tại thời điểm năm 2016.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Số CD 551932 do Sở tài nguyên và môi trường

tỉnh Tây Ninh cấp ngày 22/6/2016. Do Tổng Hoàng Danh đứng tên quyền sở hữu.

- Thông tin khác (nếu có): Nguồn gốc nhận chuyển nhượng cha mẹ cho. Đất đang ở.

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

- Địa chỉ: Số 27, khu phố Ninh Lợi, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh.

- Diện tích: 240m<sup>2</sup>.

- Giá trị: “Giá trị ước tính” là khoản 2 tỷ Việt Nam đồng. Tại thời điểm năm 2009.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: Số AO 407384. Do UBND Thị xã TN cấp 08/04/2009. (Tổng Hoàng Danh đứng tên quyền sở hữu).

- Thông tin khác (nếu có): Nguồn gốc nhận chuyển nhượng cha mẹ cho. Đất trồng hoa màu (rau, cây ăn trái...).

1.2. Các loại đất khác: không

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:.....không..... Địa chỉ: .....

- Diện tích: .....

- Giá trị: .....

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng: .....

- Thông tin khác (nếu có): .....

1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.

2. Nhà ở, công trình xây dựng:

2.1. Nhà ở:

2.1.1. Nhà thứ nhất:

- Địa chỉ: Số 27, khu phố Ninh Lợi, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh.

- Loại nhà: “Nhà ở riêng lẻ”

- Diện tích sử dụng: 106m<sup>2</sup>.

- Giá trị: 350.000.000 đồng. Tại thời điểm năm 2012.

- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Số: 36/GPXD-2012 ngày 25/4/2012 do UBND xã Ninh Thạnh, Thị xã Tây Ninh cấp phép. Do Tổng Hoàng Danh đứng tên GPXD.

- Thông tin khác (nếu có): Nhà đang ở.

2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như nhà thứ nhất.

2.2. Công trình xây dựng khác: không

2.2.1. Công trình thứ nhất:

- Tên công trình:.....không..... Địa chỉ: .

- Loại công trình:..... Cấp công trình:..

- Diện tích:.....



- Giá trị: .....
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: .....
- Thông tin khác (nếu có): .....

2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): kê khai tương tự như công trình thứ nhất.

3. Tài sản khác gắn liền với đất: không

3.1. Cây lâu năm:

- Loại cây:.....không..... Số lượng:..... Giá trị:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(27.10)</sup>:

3.2. Rừng sản xuất:

- Loại rừng:.....không..... Diện tích:..... Giá trị:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị:

3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: không

- Tên gọi:.....không..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị<sup>(10)</sup>:

4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên. Không

5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. Không

6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không

6.1. Cổ phiếu: không

- Tên cổ phiếu:.....không..... Số lượng:.....Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.2. Trái phiếu: không

- Tên trái phiếu:.....không..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:

6.3. Vốn góp: không

- Hình thức góp vốn:.....không..... Giá trị:
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:

6.4. Các loại giấy tờ có giá khác: không

- Tên giấy tờ có giá:.....không..... Giá trị:
- Tên giấy tờ có giá:..... Giá trị:

7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm: không



7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...): không

- Tên tài sản:.....

- Tên tài sản:..... Số đăng ký:..... Giá trị:

7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác: Không.

- Tên tài sản:.....không..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:

8. Tài sản ở nước ngoài: Không

9. Tài khoản ở nước ngoài: Không.

- Tên chủ tài khoản: không có, số tài khoản: không có.

- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản: không có

10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai:

+ Tổng thu nhập của người kê khai: 109.098.612 đồng.

+ Tổng thu nhập của vợ: 72.000.000 đồng.

- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: không có

- Tổng các khoản thu nhập chung:

+ 20.000.000 đồng (thu nhập từ trồng rau, hoa màu).

+ 100.000.000 đồng (Vay thấu chi Ngân hàng BIDV Tây Ninh)

**III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM <sup>(29)</sup> (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này)**

Loại tài sản, thu nhập	Tăng <sup>(30)</sup> /giảm <sup>(31)</sup>		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác			
2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác			
3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất			
4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên			
5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ)			



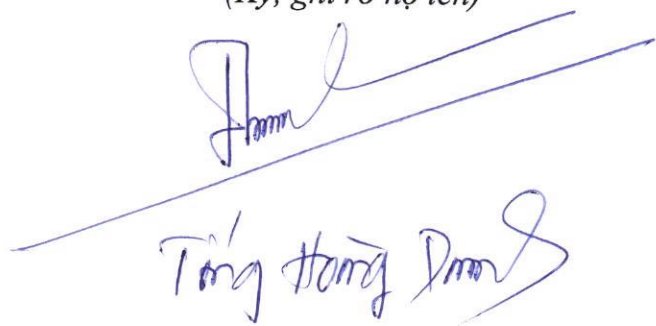
gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên.			
6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			
7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác).			
8. Tài sản ở nước ngoài			
9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai <sup>(32)</sup> .	301.098.612 đồng	Lương, phụ cấp của bản thân và vợ: 181.098.612 đồng. + Tăng thu nhập chung là 20.000.000 đồng, từ nguồn trồng rau, hoa màu. + Vay thấu chi Ngân hàng BIDV chi nhánh Tây Ninh: 100 triệu VNĐ.	

Ninh Thuận, ngày 11 tháng 11 năm 2024  
**NGƯỜI NHẬN BẢN KÊ KHAI**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)



**Cao Văn Thương**

Ninh Thuận, ngày 01 tháng 11 năm 2024  
**NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**Tống Hồng Sơn**